

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5471 /UBND-KGVX

Đắk Nông, ngày 19 tháng 11 năm 2020

V/v báo cáo rà soát nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Thực hiện Công văn số 36/UBND-CSĐT ngày 14/9/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Công văn số 5063/UBND-KGVX ngày 05/10/2020 báo cáo Ủy ban Dân tộc.

Tuy nhiên, trong quá trình rà soát lại xét thấy tỉnh Đắk Nông còn số lượng lớn dân di cư tự do là người đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang sống trong rừng và các khu vực đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, khu vực có nguy cơ xảy ra thiên tai, cách xa trung tâm, cơ sở hạ tầng nông thôn chưa được đầu tư, giao thông đi lại khó khăn, đời sống vật chất, tinh thần của người dân thiểu số, sản xuất chủ yếu là tự cung tự cấp, điều kiện mua bán, trao đổi hàng hóa để phát triển thương mại còn nhiều hạn chế, có nguy cơ cao mắc các tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật.

Để giúp tỉnh Đắk Nông sắp xếp ổn định dân cư, hạn chế tình trạng phá rừng, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông kính đề nghị Ủy ban Dân tộc xem xét, đề xuất Chính phủ bố trí kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 với tổng kinh phí là **3.511.528** triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 2.602.886 triệu đồng; ngân sách địa phương 428.402 triệu đồng; vốn vay 370.490 triệu đồng; huy động 109.750 triệu đồng (có bảng tổng hợp chi tiết các dự án theo phụ lục đính kèm).

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đề xuất bổ sung tăng 2.088.871 triệu đồng là tổng hợp bổ sung Dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết với tổng kinh phí là 1.644.489 triệu đồng và Tiểu dự án 1 của Dự án 3: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân với tổng kinh phí là 444.382 triệu đồng.

Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định (Công văn này thay thế Công văn số 5479/UBND-KGVX ngày 23/10/2020 và Công văn số 5529/UBND-KGVX ngày 27/10/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, NN&PTNT;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Trung**

02



Phụ lục

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT BỔ SUNG NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Công văn số: 5921/UBND-KGVX ngày 19 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu điều tra 53 dân tộc	Dự kiến của Ủy ban Dân tộc	Đề xuất bổ sung của tỉnh Đắk Nông	Tổng hợp đề xuất của địa phương						Vốn tín dụng	Vốn huy động khác		
						NSTW		NSDP		Vốn đầu tư	Vốn đầu tư			Vốn đầu tư	Vốn đầu tư
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp						
I	2	3	4												
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			292.906	292.906	69.685	23.126	2.104				192.205	5.786		
1	Hỗ trợ đất ở	Hộ	540		27.600	13.800						8.625	3.795		
2	Hỗ trợ nhà ở	Hộ	335		14.480	7.240		724				4.525	1.991		
3	Hỗ trợ đất sản xuất	Hộ	1.733		56.200	12.645						43.555			
4	Hỗ trợ chuyên đổi nghề	Hộ	1.817		149.050		13.550					135.500			
5	Hỗ trợ nước sinh hoạt	Hộ	13.136												
5.1	Nước sinh hoạt phân tác	Hộ	6.568		9.576		9.576								
5.2	Nước sinh hoạt tập trung	Hộ	6.568		36.000										
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		19.742	30.455	1.674.944	1.411.421	75.000	188.523	0			0	0		
1	Bố trí sắp xếp hộ DTTS du canh, du cư	Hộ	483	30.455	88.600	83.600	5.000								
2	Bố trí sắp xếp ổn định dân di cư tự do vùng ĐBK, vùng biên giới	Hộ	19.259		1.586.344	1.327.821	70.000	188.523	0			0	0		
III	DỰ ÁN 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			402.988	847.370	139.409	283.193	16.158	138.985			176.625	93.000		
I	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân			0	444.382	111.059	192.172	6.438	134.713			0	0		
	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng	Ha			35.920										
	Hỗ trợ bảo vệ rừng	Ha			289.718		155.295		134.423						
	Hỗ trợ khoanh nuôi tác sinh có trồng rừng bổ sung	Ha			1.247		957		290						

9

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu điều tra 53 dân tộc	Dự kiến của Ủy ban Dân tộc	Đề xuất bổ sung của tỉnh Đắk Nông				NSTW			NSĐP		Vốn tín dụng	Vốn huy động khác	
					Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp						
1	2	3	4													
	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ	Ha			41.688			35.250		6.438						
	Trồng rừng phòng hộ	Ha			75.809			75.809								
	Trợ cấp gạo trồng rừng cho hộ gia đình nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ	Tấn														
2	Tiêu Dự án 2: Đầu tư, phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị, vùng trồng sâm Ngọc Linh và được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.			402.988	402.988		28.350	91.021	9.720	4.272			176.625	93.000		
2.1	Đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị															
	Xã khu vực III	Xã	12		72.900			24.300					48.600			
	Xã ATK	Xã	1		6.075			2.025					4.050			
	Thôn đặc biệt khó khăn	Thôn	37		37.463			12.488					24.975			
2.2	Đầu tư trồng được liệu quý															
	Trồng được liệu															
	Trung tâm giống															
2.3	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS & MN															
	Mô hình khởi nghiệp	Mô hình	17		17.000			11.900		1.700			3.400			
	Hội chợ	Chợ	1		1.800			1.158		142			500			
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc			249.260	249.260		229.860	19.400								
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng						163.200									
	Xã khu vực III và an toàn khu	Xã	19													
	Thôn đặc biệt khó khăn	Thôn	73													
2	Duy trì bao dưỡng															
	Xã khu vực III và an toàn khu	Xã	19													



Tổng hợp đề xuất của địa phương

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Số liệu điều tra 53 dân tộc	Dự kiến của Ủy ban Dân tộc	Đề xuất bổ sung của tỉnh Đắk Nông	NSTW		NSDP		Vốn tín dụng	Vốn huy động khác
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
1	2	3	4								
	Thôn đặc biệt khó khăn	Thôn	73								
3	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã	Km	47		60.160						
4	Xây dựng mới xã chưa có đường giao thông đến trung tâm xã	Km									
5	Xây dựng, cải mạng lưới chợ vùng DTTS&MN	Công trình			6.500						
	Xây mới										
	Cải tạo, nâng cấp										
V	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>			<b>149.615</b>	<b>149.615</b>	<b>64.753</b>	<b>57.070</b>	<b>7.195</b>	<b>20.597</b>		
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, cùng cố phát triển các Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số				71.949	64.753		7.196			
1.1	Đầu tư Trường PTDTBT				13.990	12.590		1.400			
	Phòng công vụ giáo viên	Công trình	10		1.446	1.301		145			
	Phòng ở nội trú cho HSBT	Công trình	30		4.338	3.904		434			
	Nhà ăn + Nhà bếp	Công trình	2		1.157	1.041		116			
	Phòng quản lý HSBT	Công trình	2		289	260		29			
	Nhà kho chứa lương thực	Công trình	2		900	810		90			
	Công trình vệ sinh, nước sạch	Công trình	2		800	720		80			
	Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc	Công trình	2		900	810		90			
	Phòng học thông thường và phòng học bộ môn	Công trình	10		3.760	3.384		376			
	Các công trình phụ trợ khác	Công trình	2		400	360		40			
1.2	Đầu tư Trường PTDTNT				57.959	52.163		5.796			
	Phòng ở nội trú cho HSNT	Công trình	100		14.460	13.014		1.446			
	Nhà ăn + Nhà bếp	Công trình	5		2.892	2.603		289			
	Phòng quản lý HSNT	Công trình	8		1.157	1.041		116			
	Công trình vệ sinh, nước sạch	Công trình	8		3.200	2.880		320			
	Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc	Công trình	8		3.600	3.240		360			
	Phòng học thông thường và phòng học bộ môn	Công trình	70		26.250	23.625		2.625			
	Các công trình phụ trợ khác	Công trình	32		6.400	5.760		640			

Tổng hợp đề xuất của địa phương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu điều tra 53 dân tộc	Dự kiến của Ủy ban Dân tộc	Đề xuất bổ sung của tỉnh Đắk Nông	NSTW		NSDP		Vốn tín dụng	Vốn huy động khác
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
1	2	3	4								
1.3	Hoạt động xóa mù chữ cho đồng bào DTTS										
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp				9.011	0	9.011				
2.1	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Lớp									
2.2	Bồi dưỡng dạy tiếng dân tộc thiểu số	Lớp									
2.3	Dự bị Đại học	Học viên									
2.4	Đại học	Học viên									
2.5	Thạc sỹ	Học viên									
2.6	Tiến sỹ	Học viên									
2.7	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình các cấp				9.011		9.011				
	Xã khu vực III	Xã	12								
	Xã an toàn khu	Xã	1								
	Thôn đặc biệt khó khăn	Thôn	37								
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi.		42.910		68.656		48.059		20.597		
3.1	Hoạt động 01: Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo	Mô hình									
3.2	Hoạt động 02: Hỗ trợ đào tạo nghề	Lao động	42.910		68.656		48.059		20.597		
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.			101.255	101.255	24.300	27.534	15.400	21.397	1.660	10.964
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em			47.502	47.502	16.000	17.556		13.946		



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu điều tra 53 dân tộc	Tổng hợp đề xuất của địa phương						Vốn huy động khác	
				Dự kiến của Ủy ban Dân tộc	Đề xuất bổ sung của tỉnh Đắk Nông	NSTW		NSĐP			Vốn tín dụng
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
I	2	3	4								
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em			26.405	26.405			26.405			
IX	Dự án 9: Đầu tư đồng bào dân tộc còn khó khăn			100.715	100.714			99.453		1.261	
1	Nội dung 1 Đầu tư hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội				92.305			92.305			
2	Nội dung 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS & MN				8.409			7.148		1.261	
X	Dự án 10: Tuyên truyền, giám sát			21.557	21.557			18.721		2.836	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.										
1.1	Chế độ chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Người có uy tín	1.525		5.933			5.170		763	
1.2	Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số				10.455			10.455			
1.3	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Xã	12		2.073					2.073	
2	Tiểu dự án 2: Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình				3.096			3.096			
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.422.658</b>	<b>3.511.528</b>			<b>647.458</b>	<b>229.380</b>	<b>199.022</b>	<b>370.490</b>
											<b>109.750</b>

Dự kiến của Ủy ban Dân tộc là 1.422.658 triệu đồng chưa tính Dự án 2: quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư và dự án 3: phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng

Tổng kinh phí thực hiện bao gồm cả dự án 2 và dự án 3 là 3.511.428 triệu đồng tăng so với dự kiến của Ủy ban Dân tộc là 2.088.871 triệu đồng

Lý do tăng: Dự án 2: Dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết, với tổng kinh phí là 1.644.489 triệu đồng; tiểu dự án 1 của Dự án 3: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân với tổng kinh phí là 444.382 triệu đồng